

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thúy D, sinh năm 1995 (Có mặt);

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn G1 (Vắng mặt);

Bà Dương Hồng G2 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/12/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thúy D trình bày:

Ông Huỳnh Văn G1 và vợ là bà Dương Hồng G2 làm chủ hui và chị có tham gia các dây hui cụ thể như sau:

- Dây hui mở ngày 06/11/2019 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, gồm 29 phần, mỗi tháng mở hui một lần. Chị tham gia 01 phần, đóng được 23 lần thì ông G1 và bà G2 ngừng hui vào tháng 8 năm 2021. Ông G1 và bà G2 thiếu chị 23 lần hui sống bằng 46.000.000 đồng.

- Dây hui mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây A), loại hui 2.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng mở hui một lần. Chị tham gia 02 phần, đóng được 12 lần thì ông G1 và bà G2 ngừng hui vào tháng 8 năm 2021. Ông G1 và bà G2 thiếu chị 12 lần hui sống bằng 48.000.000 đồng (24.000.000 đồng x 02 phần hui).

- Dây hui mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây B), loại hui 2.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng mở hui một lần. Chị tham gia 02 phần, đóng được 12 lần thì ông G1 và bà G2 ngừng hui vào tháng 8 năm 2021. Ông G1 và bà G2 thiếu chị 12 lần hui sống bằng 48.000.000 đồng (24.000.000 đồng x 02 phần hui).

Tổng cộng 03 dây hui trên ông G1 và bà G2 thiếu chị 142.000.000 đồng nên chị yêu cầu ông G1 và bà G2 trả cho chị số tiền này.

Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nay chị yêu cầu ông G1 và bà G2 trả cho chị vốn hui của 03 dây hui trên tổng số tiền là 80.520.000 đồng (Dây ngày 06/11/2019 vốn hui là 26.980.000 đồng, dây ngày 12/8/2020 – Dây A vốn hui là 27.420.000 đồng, dây ngày 12/8/2020 – Dây B vốn hui là 26.120.000 đồng) và tính lãi trên số tiền 80.520.000 đồng từ ngày ông G1 và bà G2 ngừng hui cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất nhà nước 1,66%/tháng.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn G1, bà Dương Hồng G2: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông G1, bà G2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông G1, bà G2 không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông G1, bà G2 về các nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn G1, bà Dương Hồng G2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G1, bà G2.

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thúy D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chị D yêu cầu ông G1 và Giềng trả cho chị vốn hui của 03 dây hui số tiền 80.520.000 đồng và tính lãi trên số tiền này từ ngày ông G1 và bà G2 ngừng hui cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Do việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn chị D không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị D.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thúy D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định ông Huỳnh Văn G1 và bà Dương Hồng G2 làm chủ hui, chị Phạm Thúy D (Đứng tên Duy Ca) có tham gia 01 phần hui tại dây hui mở ngày 06/11/2019 âm lịch, tham gia 02 phần hui tại dây hui mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây 1), tham gia 02

phần hội tại dây hội mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây 2); chị D chưa lĩnh (Hốt) các phần hội; ông G1 và bà G2 ngừng các dây hội trên vào tháng 8 năm 2021.

[3.1] Đối với yêu cầu về vốn hội:

- Dây hội mở ngày 06/11/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm 29 phần, mỗi tháng mở hội một lần. Chị D tham gia 01 phần, đóng được 23 kỳ thì ông G1 và bà G2 ngừng hội. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D xác định tổng vốn hội chị D đã đóng ở dây hội này là 26.980.000 đồng (Trong đó, lần 1 đóng 1.400.000 đồng, lần 2 đóng 1.300.000 đồng, lần 3 đóng 1.250.000 đồng, lần 4 đóng 1.250.000 đồng, lần 5 đóng 1.240.000 đồng, lần 6 đóng 1.230.000 đồng, lần 7 đóng 1.200.000 đồng, lần 8 đóng 1.220.000 đồng, lần 9 đóng 1.220.000 đồng, lần 10 đóng 1.200.000 đồng, lần 11 đóng 1.180.000 đồng, lần 12 đóng 1.140.000 đồng, lần 13 đóng 1.130.000 đồng, lần 14 đóng 1.050.000 đồng, lần 15 đóng 900.000 đồng, lần 16 đóng 900.000 đồng, lần 17 đóng 790.000 đồng, lần 18 đóng 690.000 đồng, lần 19 đóng 500.000 đồng, lần 20 đóng 1.800.000 đồng, lần 21 đóng 1.290.000 đồng, lần 22 đóng 1.800.000 đồng, lần 23 đóng 1.300.000 đồng).

- Dây hội mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây 1), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng mở hội một lần. Chị D tham gia 02 phần, đóng được 12 kỳ thì ông G1 và bà G2 ngừng hội. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D xác định tổng vốn hội chị D đã đóng ở dây hội này là 27.420.000 đồng (13.710.000 đồng x 02 phần hội; trong đó, lần 1 đóng 1.140.000 đồng, lần 2 đóng 1.070.000 đồng, lần 3 đóng 1.000.000 đồng, lần 4 đóng 1.240.000 đồng, lần 5 đóng 1.050.000 đồng, lần 6 đóng 1.150.000 đồng, lần 7 đóng 1.100.000 đồng, lần 8 đóng 1.090.000 đồng, lần 9 đóng 1.390.000 đồng, lần 10 đóng 1.200.000 đồng, lần 11 đóng 1.190.000 đồng, lần 12 đóng 1.090.000 đồng).

- Dây hội mở ngày 12/8/2020 âm lịch (Dây 2), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng mở hội một lần. Chị D tham gia 02 phần, đóng được 12 kỳ thì ông G1 và bà G2 ngừng hội. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D xác định tổng vốn hội chị D đã đóng ở dây hội này là 26.120.000 đồng (13.060.000 đồng x 02 phần hội; trong đó, lần 1 đóng 1.130.000 đồng, lần 2 đóng 1.060.000 đồng, lần 3 đóng 990.000 đồng, lần 4 đóng 1.120.000 đồng, lần 5 đóng 800.000 đồng, lần 6 đóng 950.000 đồng, lần 7 đóng 1.300.000 đồng, lần 8 đóng 1.100.000 đồng, lần 9 đóng 1.200.000 đồng, lần 10 đóng 1.240.000 đồng, lần 11 đóng 1.080.000 đồng, lần 12 đóng 1.090.000 đồng).

Như vậy, tổng vốn hội chị D đã đóng ở 03 dây hội trên là 80.520.000 đồng. Tại các biên bản mở hội các bên đương sự thỏa thuận hội bỏ giá chết là 200.000 đồng, việc xác định vốn hội theo sự xác định của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về lãi hội:

Theo thỏa thuận tại các biên bản mở hội thì các dây hội trên là hội có lãi, lãi suất do các thành viên tham gia dây hội thỏa thuận. Tuy nhiên, mức lãi suất mà các

thành viên tham gia đây hội thỏa thuận đã vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định nên cần phải được điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Do các dây hội ngừng vào tháng 08 năm 2021 nên khoản tiền lãi được xác định từ ngày ngừng hội đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2022), cụ thể như sau: 80.520.000 đồng x 1,66%/tháng x 09 tháng 26 ngày = 13.190.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D, buộc bị đơn ông G1 và bà G2 trả cho chị D tổng số tiền 93.710.000 đồng (Trong đó, vốn hội là 80.520.000 đồng, lãi hội là 13.190.000 đồng).

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Theo đó, ông G1 và bà G2 phải chịu án phí số tiền 4.685.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18, 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thúy D.

Buộc ông Huỳnh Văn G1 và bà Dương Hồng G2 trả cho chị Phạm Thúy D số tiền 93.710.000 đồng (Chín mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

1. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn G1 và bà Dương Hồng G2 phải chịu án phí số tiền 4.685.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng), chưa nộp.

- Chị Phạm Thúy D không phải chịu án phí. Ngày 13/12/2021 chị D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.350.000 đồng tại biên lai thu số 0004214 và

1.200.000 đồng tại biên lai thu số 0004218 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Phạm Thúy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Huỳnh Văn G1, bà Dương Hồng G2 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà